TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/DS-PT
Ngày: 18-4-2023
V/v tranh chấp: "Yêu cầu chấm dứt hành vi sử dụng lối đi, đường cấp thoát nước, đường dây tải điện qua bất động sản liền kề; Thực hiện theo thoả thuận hoán đổi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi sử dụng lối đi, đường cấp thoát nước, đường dây tải điện qua bất động sản liền kề; Thực hiện theo thoả thuận hoán đổi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 476/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Võ Hữu T1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T2, sinh năm 1983 (theo Giấy ủy quyền ngày 22/3/2023) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn T3, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm 1956 (vắng mặt);

2. Bà Võ Thị A1, sinh năm 1962 (vắng mặt);

3. Chị Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1985 (có mặt);

4. Anh Trương Văn C1, sinh năm 1980 (có mặt);

5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt);

6. Lê Thị Quế T4, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Chị Trương Thị Tuyết L, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Bà Đỗ Phước N1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trương Văn T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Võ Văn T và anh Võ Hữu T1, cùng ủy quyền cho chị Lê Thị Hồng T2 trình bày:*

Ông Võ Văn T có phần đất 3.249m^2, đất thuộc thửa số 499, tờ bản đồ số 01 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1092QSDĐ/589/QĐUB ngày 20/4/1997; trong phần đất này có 44,2m^2 đất được gia đình ông T cho gia đình ông T3 đi nhờ và đặt đường nước sinh hoạt. Do hai gia đình có mâu thuẫn nên ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trương Văn T3 cùng các thành viên trong hộ là bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 và các thành viên khác chấm dứt hành vi sử dụng lối đi có diện tích 44,2m^2 (đo đạc ngày 28/02/2022 là 47m^2) nằm trong quyền sử dụng đất số 1092/QSD/589/QĐUB ngày 20/4/1997 và di dời đường ống nước trên diện tích 47m^2. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Hữu T1 có phần đất diện tích 627,4m^2, đất thuộc thửa số 522, tờ bản đồ số 03; trong đó có diện tích 75,3m^2 (2,5m x 30,11m) là đường đi mà ông T (cha ruột anh T1) nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Phước N1 năm 2012 (sau đó tặng cho anh T1), gia đình anh T1, ông T cùng gia đình ông T3 đi trên phần diện tích 75,3m^2. Nay do hai gia đình mâu thuẫn nên anh T1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trương Văn T3 cùng các thành viên trong hộ là bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 chấm dứt hành vi sử dụng lối đi thuộc thửa 522, tờ bản đồ số 3 có diện tích 75,3m^2 và di dời đường dây tải điện sinh hoạt trên khoảng

không của thửa đất 522 mà anh T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 21925 ngày 13/6/2019. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Hữu T1 đồng ý trả lại cho ông Trương Văn T3 và các thành viên của ông lối đi khác có chiều ngang 1,25m, dài ra đường Nguyễn Thị Sa theo biên bản đo đạc ngày 28/02/2022 là 38,1m^2. Mọi chi phí san lấp, làm đường, di dời đồng hồ điện nước do ông T3 tự chịu.

** Nguyên đơn anh Võ Hữu T1 trình bày bổ sung:*

Vào năm 2012, gia đình ông T và ông T3 cùng hùn nhau mua của bà N1 phần đất ngang 2,5m, dài khoảng hơn 30m để làm lối đi. Tuy nhiên, khi có sự mâu thuẫn và hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T, ông Võ Văn T (bên A), ông Trương Văn T3 (bên B) có thoả thuận vào ngày 23/4/2019 (có giấy thoả thuận) như sau:

"Bên B thống nhất nhượng lại lối đi chung trước đây cho Bên A được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Bên A trả tiền mua đất của bà Đỗ Phước N1 để con ruột bên B là Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1985, Giấy chứng minh nhân dân số 311892266 cấp tại Công an Tiền Giang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Phước N1 làm lối đi riêng (ngang 1,25 mét , dài 31,7 mét, từ lộ Nguyễn Thị Sa vào tới đất của Bên B) có vị trí như sau…"

Từ cam kết này, ông T cha anh đã tặng cho anh phần đất làm con đường đi mua trước đây vào năm 2012, đồng thời mua lại diện tích 38,2m^2 (ngang 1,25, dài 31,7m) của bà N1 giao cho trả lại cho gia đình ông Trương Văn T3 làm lối đi riêng, không đi chung lối cũ.

Việc thoả thuận giữa cha anh và ông T3 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và anh được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 522, tờ bản đồ số 03, diện tích 627,4m^2 (trong đó có con đường đi 75,3m^2) tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang vào ngày 13/6/2019 là đúng quy định của pháp luật.

Khoảng tháng 08/2019, gia đình ông T3 không giữ theo lời cam kết trước đây tiếp tục khiếu nại. Qua hòa giải của Ủy ban nhân dân xã thì ông xin thời hạn 60 ngày để làm lối đi riêng nhưng ông cùng gia đình vẫn không thực hiện và kéo dài tranh chấp cho đến nay. Anh khẳng định gia đình anh thực hiện đúng cam kết và đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí và di dời: Theo Biên bản định giá ngày 25/02/2022 thể hiện trên phần đất 47m^2 ông T3 và gia đình ông sử dụng đi ngang qua đất ông Võ Văn T có đoạn đường dal ngang 1,7m dài 10m = 17m^2, đơn giá 113.000 đồng/m^2, giá trị sử dụng là 85% kết cấu betong dày 5cm, không cốt thép thành tiền 1.632.850 đồng.

Nền đường đá cấp phối 04;1,2; quy cách rộng 2,5m, dài 30,11m = 75,3m^2 là đường đi do ông T và ông T3 hùn nhau mua của bà N1 vào năm 2012 có đơn giá 147.000 đồng/m^2 bao gồm cát đá và san lấp thành tiền là 11.069.100 đồng. Chi phí này chia đôi là 5.534.550 đồng.

Ống nước 20m, quy cách ống nhựa PVC đơn giá 7.000đồng/m giá trị sử dụng 50% = 70.000 đồng.

Di dời đồng hồ nước: 460.000 đồng.

Di dời đường dây điện hạ thế kéo vào nhà ông T3, di dời dây, không di dời đồng hồ, đơn giá 460.000 đồng.

Tổng chi phí: 8.157.400 đồng. Gia đình anh và ông Võ Văn T đồng ý tự nguyện bồi thường số tiền 8.157.400 đồng để ông Trương Văn T3 và gia đình làm lối đi khác vào nhà.

** Bị đơn ông Trương Văn T3 trình bày:*

Khoảng năm 2011 – 2012, giữa ông và ông Võ Văn T có hùn nhau mua của bà Đỗ Phước N1 diện tích đất làm lối đi là ngang 3m, dài 31,7m. Do gia đình tin tưởng nên giao cho ông T làm giấy tờ đất. Việc mua bán này giữa ông T3 và ông T, không liên quan đến anh T1 nhưng không biết tại sao lại cấp giấy cho anh Võ Hữu T1. Theo biên bản đo đạc trước đây thì đường đi công cộng là 1m, đường gia đình ông hùn mua là 3m, tổng ngang là 4m, thì tính 4m : 2 phải trả đủ gia đình ông là 2m ngang đất. Đồng thời tại phiên toà phúc thẩm ngày 21/12/2020 ông T thoả thuận hứa sẽ trả cho ông 2m ngang đất, dài ra đến công cộng nên gia đình ông mới đồng ý rút đơn kháng cáo, ông T rút đơn khởi kiện. Khi hùn mua đất làm đường đi, phía ông cũng đổ đất, đá san lấp như ngày hôm nay mà phía anh T1 yêu cầu ông tự thực hiện là vô lý.

Nay gia đình ông không yêu cầu gì, thống nhất đi lối đi khác nhưng phía ông T, anh T1 trả lại diện tích đất là ngang 2m dài đến đường công cộng (đường Nguyễn Thị Sa) như đã thoả thuận tại phiên toà phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh, anh T1 phải san lấp thành con đường như đường đi cũ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Ngọc C trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của ông Trương Văn T3. Phía gia đình chị đề nghị gia đình anh T1 trả lại ngang 2m, dài hết đất ra đường công cộng. Gia đình anh T1, ông T phải trả lối đi như hiện trạng lối đi cũ, đỗ đá xanh, san lấp như lối đi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Tuyết L, anh Trương Văn C1, Lê Thị Quế T4 thống nhất trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của ông Trương Văn T3, không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim A trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của ông T và anh T1. Bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng bà Đỗ Phước N1 trình bày:*

Vào năm 2012, bà có bán cho ông Võ Văn T một lối đi có chiều ngang là 2,5m, dài hết đất ra đường đi công cộng là khoảng hơn 30m với giá là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi làm Hợp đồng chuyển nhượng công chứng chỉ ghi giá 5.000.000 đồng, toàn bộ giấy tờ ông T làm thủ tục. Bà khẳng định không có bán đất cho ông T ngang 3m.

** Tại phiên tòa sơ thẩm,*

Anh Võ Hữu T1 có thay đổi số thửa trên quyền sử dụng đất của anh T1 như sau:

Buộc ông Trương Văn T3 cùng bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 chấm dứt hành vi sử dụng lối đi (75,3m^2), di dời đường dây tải điện qua khoảng không bất động sản thuộc quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

Anh Võ Hữu T1 trả lại cho gia đình ông Trương Văn T3 cùng bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 lối đi có chiều ngang 1,25m, chiều dài (30,49m; 30,57m) tổng diện tích là 38,1m^2 trong đó đất trồng cây lâu năm có diện tích 31,9m^2, đất trồng cây hàng năm khác 6,2m^2 (BHK 6,2m^2 nằm trong lộ giới) nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1 (có bản vẽ kèm theo) và ghi nhận việc anh T1 bồi hoàn giá trị đường nước, di dời đồng hồ điện nước, dây điện và giá trị đường dal tổng số tiền 8.157.400 đồng để ông Trương Văn T3 và gia đình để làm lối đi khác vào nhà.

Đồng thời anh Võ Hữu T1 yêu cầu ông Trương Văn T3 hoàn trả ½ chi phí tố tụng là 1.100.000 đồng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào các điều 26, 35, 36, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 163, 164, 169, 185, 272 và Điều 273 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

Buộc ông Trương Văn T3 cùng bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 chấm dứt hành vi sử dụng lối đi trong diện tích 47m^2 (có bản vẽ kèm theo) thuộc thửa số 499, tờ bản đồ số 01 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1092QSDĐ/589/QĐUB ngày 20/4/1997 có diện tích 3.249m^2, trên diện tích này có con đường dal ngang 1,7m dài 10m và di dời đường cấp thoát nước sinh hoạt ra khỏi quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hữu T1.

Buộc ông Trương Văn T3 cùng bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 chấm dứt hành vi sử dụng lối đi có chiều ngang 2,5m; chiều dài 30,11m; 30,17m (75,3m^2), di dời đường dây tải điện qua khoảng không qua quyền sử dụng đất thuộc thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền

Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn T, Võ Hữu T1 giao trả lại cho ông Trương Văn T3 và gia đình ông diện tích đất làm lối đi riêng khác có chiều ngang 1,25m (vị trí 2-3; 4-5), chiều dài 30,49m; 30,56m, tổng diện tích là 38,1m^2 trong đó đất trồng cây lâu năm có diện tích 31,9m^2, đất trồng cây hàng năm khác 6,2m^2 (BHK 6,2m^2 nằm trong lộ giới) nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1 (có bản vẽ kèm theo).

Ông Trương Văn T3 cùng bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 được quyền sử dụng lối đi có chiều ngang 1,25m (vị trí 2-3; 4-5), chiều dài 30,49m; 30,56m tổng diện tích là 38,1m^2 trong đó đất trồng cây lâu năm có diện tích 31,9m^2, đất trồng cây hàng năm khác 6,2m^2 (BHK 6,2m^2 nằm trong lộ giới) nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1 (có bản vẽ kèm theo).

Ông Trương Văn T3 được liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất có chiều ngang 1,25m (vị trí 2-3; 4-5), chiều dài 30,49m; 30,56m tổng diện tích là 38,1m^2 trong đó đất trồng cây lâu năm có diện tích 31,9m^2, đất trồng cây hàng năm khác 6,2m^2 (BHK 6,2m^2 nằm trong lộ giới) thuộc thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn T, anh Võ Hữu T1 hoàn trả cho ông Trương Văn T3 giá trị theo Biên bản định giá ngày 25/02/2022 với tổng chi phí 8.157.400 đồng (tám triệu một trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Ông Trương Văn T3 cùng gia đình được quyền làm đường ống dẫn nước sinh hoạt, thực hiện kéo đường dây tải điện hạ thế trên khoảng không từ đường công cộng Nguyễn Thị Sa vào nhà ông trên diện tích đất có chiều ngang 1,25m, chiều dài (30,49m; 30,57m) tổng diện tích là 38,1m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

4/ Buộc ông Trương Văn T3 hoàn trả cho anh Võ Hữu T1 chi phí tố tụng đo đạc, thẩm định tại chỗ số tiền là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 18/11/2022, bị đơn ông Trương Văn T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng T2 với bị đơn ông Trương Văn T3 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng T2 với bị đơn ông Trương Văn T3 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim A, bà Võ Thị A1, chị Nguyễn Thị N, Lê Thị Quế T4 đều có yêu cầu xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Kim A, bà Võ Thị A1, chị Nguyễn Thị N, Lê Thị Quế T4.

[2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T, ông Võ Hữu T1 kiện ông Trương Văn T3 án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*yêu cầu chấm dứt hành vi đi trên đất, chấm dứt hành vi sử dụng đường cấp thoát nước, chấm dứt hành vi sử dụng đường dây tải điện qua bất động sản liền kề, yêu cầu ông T3 phải thực hiện việc đổi đất theo thỏa thuận"* có căn cứ đúng theo quy định tại các điều 163, 164, 169, 185, 272 và Điều 273 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của ông Trương Văn T3 đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Ngày 18/11/2022, bị đơn ông Trương Văn T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng T2 với bị đơn ông Trương Văn T3 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

- Ông Trương Văn T3 cùng các thành viên trong hộ bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 đồng ý giao lại cho ông Võ Văn T lối đi hùn mua chung giữa ông T3 và ông T có chiều ngang 2,5m; chiều dài 30,11m; 30,17m (75,3m^2), di dời đường dây tải điện qua khoảng không qua quyền sử dụng đất thuộc thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

- Ông Võ Văn T, anh Võ Hữu T1 hoán đổi trả lại cho ông Trương Văn T3 và hộ gia đình ông T3 diện tích đất làm lối đi riêng, đường ống dẫn nước sinh hoạt, thực hiện kéo đường dây tải điện hạ thế trên khoảng không từ đường công cộng Nguyễn Thị Sa vào nhà ông T3 có chiều ngang 1,5m, chiều dài 30,49m; 30,56m, tổng diện tích là 45,79m^2 nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

- Ông Trương Văn T3 và ông Võ Văn T, Võ Hữu T1 được liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành đo đạc, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T3 đối với diện tích đất có chiều ngang 1,5m, chiều dài 30,49m; 30,56m, tổng diện tích là 45,79m^2 nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

- Ông Võ Văn T, anh Võ Hữu T1 hoàn trả cho ông Trương Văn T3 chi phí di dời đường dây tải điện, ống dẫn nước sinh hoạt và tạo lối đi mới số tiền 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm nghìn đồng).

- Ông Võ Hữu T1 không yêu cầu ông Trương Văn T3 hoàn trả lại chi phí tố tụng đo đạc, thẩm định tại chỗ số tiền là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng).

- Thời gian thực hiện việc di dời đường dây tải điện, ống dẫn nước sinh hoạt, tạo lối đi mới và hoàn trả số tiền 8.900.000 đồng giữa ông T, ông Tốt với ông T3 thực hiện trong thời gian 90 ngày kể từ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông T3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng T2 với bị đơn ông Trương Văn T3 tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các điều 26, 35, 36, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 163, 164, 169, 185, 272 và Điều 273 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Lê Thị Hồng T2 với bị đơn ông Trương Văn T3 tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể:

- Ông Trương Văn T3 cùng các thành viên trong hộ bà Võ Thị A1, chị Trương Thị Ngọc C, anh Trương Văn C1, chị Nguyễn Thị N, chị Trương Thị Tuyết L, Lê Thị Quế T4 đồng ý giao lại cho ông Võ Văn T lối đi hùn mua chung giữa ông T3 và ông T có chiều ngang 2,5m; chiều dài 30,11m; 30,17m (75,3m^2), di dời đường dây tải điện qua khoảng không qua quyền sử dụng đất thuộc thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

- Ông Võ Văn T, Võ Hữu T1 hoán đổi trả lại cho ông Trương Văn T3 và hộ gia đình ông T3 diện tích đất làm lối đi riêng, đường ống dẫn nước sinh hoạt, thực hiện kéo đường dây tải điện hạ thế trên khoảng không từ đường công cộng Nguyễn Thị Sa vào nhà ông T3 có chiều ngang 1,5m, chiều dài 30,49m; 30,56m, tổng diện tích là 45,79m^2 nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

- Ông Trương Văn T3 và ông Võ Văn T, Võ Hữu T1 được liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành đo đạc, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T3 đối với diện tích đất có chiều ngang 1,5m, chiều dài 30,49m; 30,56m, tổng diện tích là 45,79m^2 nằm trong quyền sử dụng đất thửa số 627, tờ bản đồ số 3 diện tích 665,5m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS 26958 cấp ngày 01/7/2021 cho anh Võ Hữu T1.

- Ông Võ Văn T, anh Võ Hữu T1 hoàn trả cho ông Trương Văn T3 chi phí di dời đường dây tải điện, ống dẫn nước sinh hoạt và tạo lối đi mới số tiền 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm nghìn đồng).

- Ông Võ Hữu T1 không yêu cầu ông Trương Văn T3 hoàn trả lại chi phí tố tụng đo đạc, thẩm định tại chỗ số tiền là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng).

- Thời gian thực hiện việc di dời đường dây tải điện, ống dẫn nước sinh hoạt, tạo lối đi mới và hoàn trả số tiền 8.900.000 đồng giữa ông T, ông Tốt với ông T3 thực hiện trong thời gian 90 ngày kể từ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trương Văn T3 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Văn T, ông Võ Hữu T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Ông Trương Văn T3 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông T3 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0025347 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Võ Văn T được miễn tiền tạm ứng án phí do đó hoàn trả lại cho ông T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004762 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Võ Hữu T1, ông Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 408.000 đồng. Ông T được miễn tiền án phí, anh T1 phải chịu 204.000 đồng nhưng anh đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004763 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại số tiền là 396.000 đồng (ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền